

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
2. Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 431/2024/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1771/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2642/2025/QĐST-KDTM ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1

Địa chỉ: số A đường N, Phường F, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Lê Minh T, sinh năm 1979

(Giấy ủy quyền số 011/HNT ngày 30/9/2024)

Địa chỉ: số C đường số C, KDC H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T2.Not

Địa chỉ: số A Đường E, phường A, thành phố T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn D, sinh năm 1971, chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: số A Đường E, phường A, thành phố T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH T1, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Lê Minh T trình bày:

Vào ngày 04/10/2014, Công ty Cổ phần T2.Not (sau đây viết tắt là Công ty T2.Not) và Công ty TNHH T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) có ký hợp đồng mua bán số 11/HNT-YNOT/2023, nội dung Công ty T2.Not đồng ý mua các sản phẩm do Công ty T1 cung ứng theo cho tiết như file báo giá đính kèm; chính sách bán hàng: Giao hàng miễn phí tất cả các điểm trong nội thành Thành phố Hồ Chí Minh; chiết khấu bán hàng: 1% giá trị trước thuế/ đơn hàng...; phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên bán bằng tiền mặt (áp dụng hóa đơn cùng ngày dưới 20.000.000 đồng đã bao gồm VAT), hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên bán. Ngày 30 hàng tháng hai bên sẽ thực hiện đối chiếu công nợ, sau khi hoàn thành đối chiếu số liệu công nợ chính xác bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 05 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giao hàng đúng và đủ cho Công ty T2.Not; và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, cụ thể:

- + Ngày 01/02/2024, số hóa đơn 00000886, số tiền 910.798 đồng;
- + Ngày 16/02/2024, số hóa đơn 00001119, số tiền 25.700.000 đồng;
- + Ngày 16/02/2024, số hóa đơn 00001120, số tiền 1.285.000 đồng;
- + Ngày 16/02/2024, số hóa đơn 00001121, số tiền 186.900.000 đồng;
- + Ngày 16/02/2024, số hóa đơn 00001122, số tiền 19.453.025 đồng;
- + Ngày 26/02/2024, số hóa đơn 00001361, số tiền 629.640 đồng.

Tổng cộng số tiền: 234.878.463 đồng.

Tuy nhiên Công ty T2.Not vẫn chưa thanh toán đầy đủ tiền mua hàng.

Đến ngày 09/5/2024, Công ty T2.Not có văn bản xác nhận công nợ, và đưa ra phương án thanh toán nợ gồm 5 đợt, từ ngày 09/5/2024 đến trước ngày 30/9/2024, mỗi đợt thanh toán số tiền 46.063.661 đồng.

Tuy nhiên cho đến nay Công ty Cổ phần T2.Not vẫn chưa thanh toán số tiền trên, nên Công ty TNHH T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần T2.Not phải trả cho Công ty TNHH T1 số tiền nợ 234.878.463 đồng; không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán.

Bị đơn Công ty Cổ phần T2.Not: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập Công ty Cổ phần T2.Not, người đại diện theo pháp luật của Công ty T2.Not đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty Cổ phần T2.Not, người đại diện theo pháp luật của Công ty T2.Not vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của Công ty Cổ phần T2.Not.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn Công ty Cổ phần T2.Not có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH T1 số tiền nợ 234.878.463 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tiền lãi do chậm thanh toán nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của Công ty TNHH T1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0318116581 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cung cấp thì Công ty Cổ phần T2.Not có địa chỉ trụ sở

chính tại phường B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty Cổ phần T2.Not, có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Tấn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 08/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ Công ty Cổ phần T2.Not, ông Trần Tấn D lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng Công ty Cổ phần T2.Not, ông Trần Tấn D vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015..

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn Công ty TNHH T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn, Công ty Cổ phần T2.Not phải trả số tiền nợ 234.878.463 đồng, không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán.

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11/HNT-YNOT/2023, các hóa đơn giá trị gia tăng số 00000886; 00001119; 00001120; 00001121; 00001122; 00001361, Công văn v/v đề nghị phương án giải quyết công nợ mua hàng ngày 09/5/2024 của Công ty T2.Not, có đủ căn cứ thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 234.878.460 (hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi) đồng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 234.878.460 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tiền lãi do chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1.

Công ty Cổ phần T2. Not có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền 234.878.463 (hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T2. Not phải nộp 11.743.923 (mười một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm hai mươi ba) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.871.962 (năm triệu tám trăm bảy mươi một ngàn chín trăm sáu mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số 0044802 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu

